

## HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG ĐÔNG DƯƠNG TẠI SÀI GÒN TỪ NĂM 1875 ĐẾN NĂM 1945

ĐỖ THỊ MỸ HIỀN

*Với việc ra đời và phát triển của Ngân hàng Đông Dương vào năm 1875, Pháp đã có những bước tiến đáng kể trong cuộc bình định và khai thác thuộc địa Đông Dương. Ngân hàng Đông Dương ra đời, bên cạnh chức năng phát hành tiền tệ như một ngân hàng mẹ ở Paris (Pháp), còn cung cấp tín dụng phục vụ nông nghiệp và thương mại quốc tế, giúp cho người Pháp lấy lại được lợi thế thương mại từ các thương nhân Anh, Đức, Mỹ và đặc biệt là người Hoa và giúp nền nông nghiệp thuộc địa phát triển. Bên cạnh đó, Ngân hàng Đông Dương cũng mang về nguồn thu không nhỏ cho chính quyền Pháp và chính quyền thuộc địa. Tuy nhiên, đối với người nông dân, chính sách tín dụng của ngân hàng này dường như không đem lại cho họ lợi ích như mong đợi. Mặc dù còn những đánh giá khác nhau, nhưng sự ra đời, tồn tại và phát triển của Ngân hàng Đông Dương đã tạo cơ sở ban đầu cho hoạt động ngân hàng ở Việt Nam sau khi người Pháp rút đi.*

### 1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ DẪN ĐẾN SỰ RA ĐỜI CỦA NGÂN HÀNG ĐÔNG DƯƠNG VÀ CHI NHÁNH CỦA NGÂN HÀNG ĐÔNG DƯƠNG TẠI SÀI GÒN

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, Pháp đã cho xây dựng tại đây một bộ máy cai trị có tính chất quân sự. Các thiết chế của xã hội thực dân lần lượt được

thiết lập ở các tỉnh theo bước chân xâm lược của Pháp. Chính quyền Pháp ở Nam Kỳ và chính phủ Pháp ở Paris đều nhận thấy rằng, để phục vụ cho công cuộc bình định và khai thác thuộc địa ở Nam Kỳ cũng như mở rộng chiến tranh xâm lược, cần phải có một ngân hàng riêng ở xứ này. Nguyên nhân sâu xa của điều này là chính phủ Pháp muốn giữ vai trò phát hành độc quyền tiền ở Đông Dương

---

Đỗ Thị Mỹ Hiền. Thạc sĩ. Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại.

như phương tiện trao đổi, và trực tiếp quản lý việc cung ứng tiền mặt để từ đó nắm được nền kinh tế.

Ý tưởng thành lập một ngân hàng thuộc địa đã có từ năm 1865, do Albert Henry de Vallandé (con của một vị đại thương gia tại Bordeaux) đề xuất. Nhưng phải đến năm 1871, dự án thành lập Ngân hàng Đông Dương - một cơ quan tín dụng thường trực thật sự để tiện việc đầu tư, khai thác xứ thuộc địa - mới được xúc tiến. Sự kiện này được đánh giá là một bước đi lớn trong cuộc bình định và khai thác thuộc địa của Pháp ở xứ này.

Ngày 15/2/1872, ông Victor Kresser (người từng làm giám đốc chi nhánh Hong Kong và Shanghai của một ngân hàng Anh - được coi là ngân hàng hàng đầu về tài chính lúc bấy giờ) đề ra “Dự án thành lập một Ngân hàng phát hành tại Sài Gòn” với chủ trương thành lập một ngân hàng độc đáo gọi là “Ngân hàng Nam Kỳ”, không giống với các ngân hàng thuộc địa đã từng hiện diện ở Việt Nam<sup>(1)</sup>. Ngân hàng mới này sẽ phải cạnh tranh với các ngân hàng đang hiện hữu trong việc thanh toán hối đoái từ nguồn xuất khẩu gạo và các sản phẩm khác tại Nam Kỳ, Đông Dương và cả Trung Quốc. Dự án này đã thuyết phục được Bộ Hải quân và Thuộc địa, và Ngân hàng Nam Kỳ đã được thành lập trong mối giao hảo với Ngân hàng Chiết Khẩu Paris.

Tuy nhiên, quá trình thỏa thuận giữa Ngân hàng Chiết Khẩu Paris và Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp kéo dài

đến hơn hai năm và có sự tham gia (ở giai đoạn cuối) của Ngân hàng Tín dụng Kỹ nghệ và Thương mại (viết tắt là CIC). Với sự tư vấn, tham gia của hai ngân hàng lớn thông qua hai dự án khác nhau, một phương án hợp nhất đã được hình thành với tên gọi là “Ngân hàng Đông Dương” và được đệ trình lên Tổng thống Pháp ngày 3/11/1874.

Ngày 21/1/1875, một sắc lệnh được Thống chế Mac Mahon thay mặt Tổng thống Pháp ký cho phép thành lập một ngân hàng chung cho các thuộc địa Pháp ở hải ngoại, tên là Ngân hàng Đông Dương – Banque de l’Indochine, trụ sở đặt tại Paris (Comité agricole et industriel de la Cochinchine, 1878, tr. 301-302), trước sự chứng kiến của Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa và Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Đông Dương được quy định gồm có bốn thành viên từ Ngân hàng Chiết Khẩu Paris, bốn thành viên từ Ngân hàng CIC và một thành viên là người bên ngoài hai ngân hàng này; Chủ tịch Ngân hàng Đông Dương sẽ là người của Ngân hàng Chiết Khẩu Paris và Phó chủ tịch sẽ là người của Ngân hàng CIC; số vốn của Ngân hàng Đông Dương được ấn định là tám triệu francs/vàng<sup>(2)</sup>, do mỗi ngân hàng đóng góp một nửa.

Chỉ 3 tháng sau, ngày 19/4/1875 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp, chi nhánh Ngân hàng Đông Dương tại Sài Gòn được thành lập. Chi nhánh Ngân hàng Đông Dương tại Sài Gòn có chức

năng gần như một ngân hàng mẹ - nghĩa là được phát hành, cho vay và chiết khấu. Đặc biệt khác với các ngân hàng thuộc địa khác, theo Nghị định được ban hành ngày 21/1/1875 (Comité agricole et industriel de la Cochinchine, 1878, tr. 301-302), Ngân hàng Đông Dương chi nhánh tại Sài Gòn có đặc quyền đúc và phát hành giấy bạc trong một thời hạn 20 năm. Sau đó, ngày 20/2/1888 Thống đốc Toàn quyền Đông Dương ban hành sắc lệnh về việc gia hạn và mở rộng đặc quyền của Ngân hàng Đông Dương kéo dài thêm 10 năm (Tạp chí Bulletin officiel de la Cochinchine française, 1888, số 5, tr. 213-220).

Ngày 16/5/1900, Tổng thống Pháp giao cho Ngân hàng Đông Dương chức năng ngân khố của Đông Dương để phát hành và thu hồi giấy bạc, đồng thời gia hạn thêm đặc quyền phát hành cho đến ngày 20/1/1920. Như vậy, độc quyền phát hành giấy bạc của Ngân hàng Đông Dương, theo những sắc lệnh nối tiếp nhau, đã kéo dài đến ngày mà ngân hàng này chấm dứt sự tồn tại của nó.

Tại Sài Gòn, Ngân hàng Đông Dương được xây dựng với diện tích 6400m<sup>2</sup>, giới hạn bởi 4 con đường Quai Belgique, Chaigneau, Lefebvre, Pellerin (nằm tại khu nhà Ngân hàng Nhà nước ở Bến Chương Dương ngày nay), được thiết kế tiện lợi, kiến trúc đẹp và uy nghi, thể hiện sự sang trọng, vững vàng của một ngân hàng lớn (L'Instruction Publique, 1928, tr. 18).

## 2. HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG ĐÔNG DƯƠNG CHI NHÁNH TẠI SÀI GÒN

Ngân hàng Đông Dương ra đời có chức năng “vừa là một ngân hàng phát hành, chiết khấu và cho vay, vừa là một ngân hàng thương mại cung cấp vốn cho các nhà kinh doanh, vừa là một ngân hàng đầu tư tài chính và là cơ quan phát hành trái khoán của Nhà nước, của các hội tư nhân, đồng thời lại là một cơ quan nhà nước có sứ mệnh mở rộng và bảo vệ quyền lợi của nước Pháp ở khắp các châu lục” (Viện Sử học, 1976, tr. 6). Tuy nhiên trong khuôn khổ bài viết này tác giả chỉ đề cập đến hoạt động tín dụng cho vay của ngân hàng ở Nam Kỳ.

Sự giàu có của các nước Đông Dương lúc bấy giờ chủ yếu nằm trong lĩnh vực nông nghiệp và thương mại quốc tế. Vì vậy, lãnh đạo của ngân hàng đã sớm đẩy mạnh hoạt động tín dụng cho vay ngay khi chi nhánh Sài Gòn của Ngân hàng Đông Dương được phép thành lập.

Trong nông nghiệp, ngay từ khi mới thành lập, Ngân hàng Đông Dương đã có tham vọng kinh doanh tín dụng nông nghiệp và hình thức cho vay lúc đầu là “cho vay theo mùa” (Phạm Quang Trung, 1997, tr. 109). Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, chính quyền thuộc địa đã phải điều chỉnh và cho công bố một loạt các văn bản có tính pháp quy về hoạt động “cho vay theo mùa” để phù hợp với tình hình thực tế.

Theo các tài liệu còn lưu trữ, việc “cho vay theo mùa” của Ngân hàng Đông

Dương chi nhánh tại Sài Gòn được thực hiện qua các thủ tục sau:

- Kê khai đầy đủ vào đơn xin vay tiền với số bản quy định, có chữ ký của lý trưởng, kỳ hào và phải đóng triệu nhận thực.
- Phân loại và chuyển đơn để xác nhận và đăng ký (cấp tỉnh phê chuẩn đơn xin vay đến 150\$; cấp xứ phê chuẩn đơn xin vay trên 150\$<sup>(3)</sup> tại cấp tỉnh.
- Cấp tỉnh/cấp xứ phê chuẩn đơn xin vay tiền.
- Chuyển cho Ngân hàng Đông Dương chi nhánh sở tại đăng ký vào sổ bộ và làm phiếu chuyển tiền đến cấp tỉnh/cấp xứ.
- Cấp tỉnh/cấp xứ đăng ký vào sổ bộ, chuyển đến kho bạc để chi tiền.

Trong trường hợp người vay khi đến hạn muốn vay tiếp hoặc vì lý do nào đó không thể trả được vốn lẫn lãi thì phải làm đơn trình bày rõ lý do cụ thể để xin gia hạn, xin vay lại, xin khất nợ. Đơn này phải được sự chấp thuận và xác nhận của các cấp như đơn xin vay tiền. Ngoài đơn của người xin, xã trưởng phải có một đơn gửi kèm cho cấp tỉnh, trong đó chính quyền sở tại phải chứng thực và xác nhận rõ lý do cụ thể. Sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, xác nhận, vào sổ, tất cả các đơn này phải được chuyển lên cho cấp xứ - là cấp duy nhất có thẩm quyền chuẩn y cho những đơn loại này. Những thủ tục trên đây được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động tín dụng cho vay theo mùa tồn tại.

Về cách tính lãi và phân chia lợi nhuận, Nghị định ngày 24/4/1876 quy định mức lãi là 15%, trong đó 3% được dành cho ngân sách địa phương. Nghị định 1886 rút mức lãi xuống 11%, trong đó 1% cho ngân sách địa phương (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, GouCoch. N<sup>o</sup>IA4/101(1)). Việc tính toán mức lãi suất trên chủ yếu dựa vào sự thỏa thuận giữa người cho vay và người vay, nó không bao gồm các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả, năng suất của khoản vay.

Về thời hạn cho vay và thời hạn hoàn trả thì theo Nghị định ngày 21/4/1876 quy định thời hạn là 4 tháng. Nghị định ngày 23/1/1888 đã sửa đổi và quy định lại là 6 tháng, việc gia hạn không được quá 8 tháng. Cách tính toán thời hạn vay này dựa theo chu kỳ của một mùa vụ.

Về đối tượng vay vốn của Ngân hàng Đông Dương, cũng theo Nghị định ngày 21/1/1875, quy định: các cá nhân và tập thể nông nghiệp. Sau đó Nghị định ngày 21/4/1876 quy định cụ thể hơn: “các làng xã trong lãnh thổ Nam Kỳ được phép nhân danh các cá nhân có đăng ký hợp pháp và thay mặt cho họ để vay tiền của Ngân hàng Đông Dương”. Như vậy, người vay vốn của ngân hàng muốn ngân hàng chấp nhận phải thông qua làng xã sở tại. Ngân hàng chỉ quan hệ, giao dịch với làng xã sở tại và điều này đã mặc nhiên thừa nhận làng xã là đối tác chủ yếu và trực tiếp của ngân hàng.

Về quy mô tín dụng, kể từ khi hoạt động cho vay theo mùa bắt đầu hoạt

Bảng 1. Số tiền cho vay và phần lãi của Ngân hàng Đông Dương và ngân sách địa phương (1878 - 1885)

Đơn vị tính: \$

Năm	Số tiền cho vay	Phần lãi Ngân hàng Đông Dương được hưởng	Phần lãi ngân sách địa phương được hưởng
1878	15.174,54	1.820,94	455,23
1879	1.052,76	1.26,33	31,58
1880	13.199,70	1.583,96	396
1881	13.632,66	1.635,92	408,98
1882	31.978,63	3.837,43	959,36
1883	58.399	7.007,88	1.751,97
1884	35.789	4294,68	1073,67
1885	5.939	712,68	178,17

Nguồn: Albert Cuniac. 1904. *Kiểm tra về tín dụng nông nghiệp ở Đông Dương (Essai sur le crédit agricole en Indochine)*. Paris, tr. 107.

động thì trong 6 năm từ năm 1877 đến năm 1883 tổng khối lượng tiền Ngân hàng Đông Dương cho vay được là 221.380\$ (Nguyễn Khắc Đạm, 1957, tr. 214). Như vậy bình quân mỗi năm ngân hàng cho vay được khoảng 36.000\$.

Số tiền được cho vay và phần lãi mà Ngân hàng Đông Dương và ngân sách địa phương được hưởng cụ thể qua từng năm như sau (xem Bảng 1).

Như vậy, có thể thấy rằng nguồn lợi nhuận mà ngân hàng cũng như ngân sách thuộc địa được hưởng từ hoạt động cho vay theo mùa luôn tăng mạnh qua các năm, đặc biệt là từ năm 1882 - 1884 và nhiều nhất là vào năm 1883, lợi nhuận ngân hàng thu được là 7.007,88\$, tương ứng với đó thì ngân sách Nhà nước cũng thu được một khoản lợi nhuận không nhỏ là 1.751,91\$. Điều này cũng phần nào cho chúng ta hiểu được lý do vì sao chính quyền luôn tạo điều kiện cho

Ngân hàng Đông Dương trong mọi hoạt động.

Từ năm 1886, xuất phát từ những thay đổi trong chính sách thực dân của Pháp, hoạt động tín dụng cho vay theo mùa của Ngân hàng Đông Dương khởi sắc hơn. Mặc dù cũng bắt đầu từ năm 1886, mức lãi suất đã rút xuống còn 11%, trong đó 1% cho ngân sách địa phương, nhưng kết quả hoạt động cho vay theo mùa của Ngân hàng Đông Dương vẫn có chiều hướng tăng lên. Cụ thể: xem Bảng 2.

Số liệu cho thấy tuy từ năm 1886 lãi suất cho vay giảm xuống, nhưng điều này cũng không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng. Số lượng tiền cho vay ngày càng tăng; và đi cùng với nó thì ngân sách của chính quyền cũng thu được khoản lợi nhuận tương ứng. Tuy nhiên từ năm 1895 - 1896, số lượng tiền cho vay không nhiều, đặc biệt năm 1895 ngân hàng không thể cho vay được. Sang năm

Bảng 2. Số tiền cho vay và phần lãi của Ngân hàng Đông Dương và ngân sách địa phương (1886 - 1896)

Đơn vị tính: \$

Năm	Số tiền cho vay	Phần lãi Ngân hàng Đông Dương được hưởng	Phần lãi ngân sách địa phương được hưởng
1886	99.141,07	9.914,10	991,41
1887	113.614,50	11.361,45	1.136,14
1888	217.968,00	21.796,80	2179,68
1889	138.847,50	13.884,75	1388,47
1890	103.955,12	10.395,51	1.039,55
1891	63.129,31	6.312,93	631,29
1892	63.680,27	6368,02	636,80
1893	72.727,19	7.272,71	727,27
1894	90.920,60	9.092,06	909,20
1895	0	0	0
1896	36.807,00	3.680,70	368,07

Nguồn: Phạm Quang Trung. 1997. *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875 - 1945)*. Hà Nội. Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 135-136.

1896 khối lượng tiền cho vay chỉ đạt mức xấp xỉ giai đoạn trước năm 1885. Điều này cho thấy hoạt động tín dụng cho vay theo mùa của Ngân hàng Đông Dương đến lúc này có nhiều bất cập. Một lý do quan trọng dẫn đến tình hình này là thể thức cho vay theo mùa được phép triển khai rộng rãi tại Trung và Bắc Kỳ đã chiếm một khối lượng tiền vay của Ngân hàng Đông Dương, nhưng dù được chính quyền bảo lãnh thì việc thu hồi vốn đã không được thực hiện tốt sau một vài năm triển khai hoạt động.

Để thu được lợi nhuận nhiều hơn trong việc cho nông dân vay, ngày 1/2/1913 Thống đốc Nam Kỳ đã phê chuẩn thành lập Hội Nông tín Tương tế bản xứ (Société Indigène de Crédit Agricole Mutuel – thường gọi tắt là SICAM) (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, GouCoch. N<sup>o</sup>A4/132(3)), mở đầu

cho hình thức bóc lột mới có tổ chức và quy mô hơn đối với nông dân Nam Kỳ, thông qua việc cho vay nặng lãi của Ngân hàng Đông Dương. Tính đến năm 1930, trung bình mỗi tỉnh Nam Kỳ có 1 SICAM (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, SL. N<sup>o</sup> 163).

Về nguyên tắc, mỗi SICAM được đặt dưới sự giám sát kiểm tra của Tham biện chủ tỉnh. Mọi hoạt động của SICAM được giám sát bằng một Ủy ban cấp tỉnh; thành phần và quyền hạn của Ủy ban do Thống đốc Nam Kỳ quy định. Các SICAM phải chuyển giao cho Ủy ban Giám sát mọi tài liệu liên quan đến hoạt động của mình, gồm sổ sách, chứng từ, biên bản... (Phạm Quang Trung, 1997, tr. 232). Như vậy, Ủy ban Giám sát là một tổ chức do chính quyền thực dân lập ra và nó nằm ngoài cơ cấu tổ chức của SICAM, nhưng lại có

vai trò quyết định mọi hoạt động của SICAM.

Về nguồn vốn hoạt động, theo nguyên tắc các SICAM phải lấy từ nguồn vốn huy động được của các hội viên để hoạt động. Tuy nhiên, trong thực tế thì số tiền hội viên đóng góp thường không đủ, do vậy, chính quyền thuộc địa đã bảo trợ cho Ngân hàng Đông Dương trở thành ngân hàng độc quyền cung ứng vốn cho hoạt động của các SICAM. Và thực chất các SICAM chính là những đại lý đặc biệt của Ngân hàng Đông Dương.

Về thủ tục cho vay, theo quy định các hội viên SICAM muốn vay tiền phải hoàn thành thủ tục lập chứng thư, đăng ký và trích lục sổ địa bộ; chứng thư này cho phép chống lại người thứ ba cũng như những hình thức thế chấp thông thường. Điều đó có nghĩa là người hội viên SICAM muốn vay tiền phải thế chấp đất đai của họ theo đúng những thủ tục tư pháp về quyền sở hữu ruộng đất theo quy định kiểu phương Tây.

Về mức lãi suất cho vay: Giai đoạn đầu (1913 - 1925): Các tổ chức SICAM thực hiện hai nghiệp vụ chính: cho vay ngắn hạn (theo kiểu cho vay theo mùa trước đó) với lãi suất 12%/năm và cho vay trên các thế chấp đất đai với lãi suất 8%. Khoảng từ 1925, lãi trung bình là 10%. Tuy nhiên trong tổng số 20 SICAM thì có 7 SICAM hàng tỉnh phải chịu mức lãi suất 12% là: Bà Rịa, Biên Hòa, Châu Đốc, Gò Công, Tân An, Tây Ninh, Thủ Dầu Một. Tình hình này kéo dài cho

tới 1/7/1934, sau đó lãi suất hạ thấp hơn một chút (Dương Trung Quốc, 2006, tr. 339). Kể từ khi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nổ ra, chính quyền thuộc địa đã nhiều lần điều chỉnh mức lãi suất của các SICAM xuống còn 7,5% (1934); 6,5% (1935); và 6% (1936).

Về hoạt động của các SICAM, so sánh giữa số vốn cổ phần được đăng ký mua và doanh số cho vay cho thấy có một sự chênh lệch rất lớn; đơn cử ở SICAM Mỹ Tho, đến tháng 9/1913, có 1.437 cổ phần được đăng ký mua; tổng cộng số tiền vốn hội thu được là 3.930\$ (Phạm Quang Trung, 1997, tr. 237). Tuy nhiên, số liệu tháng 2/1914 cho thấy tổng doanh số cho vay trong năm 1913 là 79.442,80\$ (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, GouCoch. N<sup>o</sup>A4/132(3)), gấp 20 lần số vốn hội viên. Số tiền dư ra ở đây không của ai khác ngoài Ngân hàng Đông Dương cho vay theo quy chế cho vay theo mùa và chiết khấu các kỳ phiếu của Ngân hàng Đông Dương với lãi suất tối thiểu là 8%/năm. Như vậy, lợi nhuận mà Ngân hàng Đông Dương cũng như ngân sách Nhà nước được hưởng từ hoạt động của các SICAM là một khoản khổng lồ và đó là lý do vì sao chính quyền thuộc địa luôn tìm cách để che chở cho ngân hàng hoạt động và thu lợi nhiều nhất trong suốt thời gian ngân hàng tồn tại ở Việt Nam. Chính những ưu quyền đó đã giúp cho Ngân hàng Đông Dương trở nên quyền lực nhất không chỉ ở Đông Dương mà còn ở các vùng đất hải ngoại của Pháp.

### 3. TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG ĐÔNG DƯƠNG ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Ngay từ khi được thành lập, Ngân hàng Đông Dương đã tìm cách cho người nông dân Việt Nam nói chung và người dân Nam Kỳ nói riêng vay nhằm mục đích thu tóm các hoạt động thương mại, đồng thời bóp nghẹt tư bản Ấn kiều, Hoa kiều và địa chủ Việt Nam. Ngoài mục đích kinh tế, cho vay theo mùa còn nhằm giải quyết những vấn đề xã hội. Đánh giá về chính sách cho vay theo mùa, Phủ Thống đốc Nam Kỳ đã khẳng định: “cho vay theo mùa sẽ loại trừ được nạn cho vay nặng lãi, một căn bệnh trầm trọng của xã hội, giúp cho sự thịnh vượng chung của xứ sở” (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, GouCoch. N<sup>o</sup>IA4/107(2)). Tuy nhiên, tác động của hoạt động tín dụng cho vay của Ngân hàng Đông Dương đến đời sống kinh tế - xã hội Nam Kỳ không được sáng sủa như vậy.

Thời hạn hoàn trả lãi và vốn vay trong vòng từ 4 - 8 tháng mà ngân hàng đặt ra hoàn toàn dựa vào thời vụ trồng lúa. Thời hạn này chưa tính đến thị trường của sản phẩm nông nghiệp vì sau vụ mùa, giá thóc lúa rất rẻ nên người trồng không dại gì đem bán ngay. Ngoài ra, người đi vay không chỉ vay tiền đầu tư cho vụ mùa mà còn cho những công việc khác như khai hoang, làm thủy lợi... Trong nhiều trường hợp, đây mới thật sự là những việc cần vốn đầu tư lớn (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, GouGal. N<sup>o</sup>7.719). Vì

thế, thời hạn cho vay như trên khó có thể đáp ứng được yêu cầu của người đi vay. Nhưng ngân hàng và chính quyền thuộc địa vẫn duy trì thời hạn cho vay này là bởi nó giúp quay vòng vốn nhanh hơn và hạ thấp độ rủi ro, bất trắc trong quá trình cho vay.

Mang danh nghĩa là cho vay để giúp đỡ nông dân có vốn tăng gia sản xuất và lãi suất nhẹ hơn tư bản Hoa, Ấn và địa chủ Việt Nam. Tuy nhiên, trong thực tế người nông dân muốn vay được tiền của Ngân hàng Đông Dương thì phải làm đơn xin vay và theo quy định đơn được coi là hợp lệ khi có đủ chữ ký của kỳ hào và phải có đóng dấu của xã. Những thủ tục gắt gao đó đã làm cho tín dụng cho vay theo mùa hầu như không thể đến được với người nông dân Nam Kỳ. Đến năm 1876, cách thức cho vay được thay đổi. Nông dân muốn vay thì phải vay tập thể, lấy làng làm đơn vị và kỳ hào phải chịu trách nhiệm về việc đôn đốc trả nợ tập thể. Điều này đã tạo cơ hội cho kỳ hào ăn chặn một phần vào số tiền vay khiến nông dân vay ít mà phải trả nhiều. Không những thế, thời hạn cho vay ngắn khiến họ thường phải bán tống bán tháo nhà cửa ruộng vườn để trả nợ quá hạn.

Những điều đó cho thấy chính sách tín dụng mới thực ra cũng hà khắc không kém so với trước đây. “... Những người nông dân An Nam hiện lành tưởng thời đại giàu có đã tới (Vi tưởng vay không nguy hiểm gì mà lại có vốn sản xuất theo sự tuyên truyền của tư bản Pháp - Nguyễn Khắc Đạm

chú). Trong cái ảo ảnh lừa dối đó... không biết bao nhiêu gia sản đã bị chìm ngấm không cách gì gỡ lại” (H.L. Jammes, 1888, tr. 192).

Không những người nông dân Nam Kỳ có rất ít cơ hội hưởng lợi từ hoạt động cho vay theo mùa, ngay cả chính quyền thuộc địa cũng chỉ nhận được phần lãi không đáng kể mặc dù theo lý thuyết, khoản thu này có quy mô khá lớn. Lý do là vì số nợ đọng do chính quyền thuộc địa Nam Kỳ đứng ra bảo đảm, bảo lãnh và chịu trách nhiệm ngày càng lớn. Phần lớn khoản thu ngân sách từ hoạt động cho vay này được chính quyền thuộc địa dùng để bù vào những khoản thâm hụt từ nợ khó đòi và việc vận hành bộ máy theo dõi, quản lý đòi nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, vì có đến 20% cổ phần trong Ngân hàng Đông Dương nên mặc dù có rất ít lợi ích kinh tế thực nhưng chính quyền vẫn đứng ra bảo lãnh cho ngân hàng. Ở đây, có một sự kết hợp giữa “chính quyền” và “tài quyền” trong việc khai thác và cai trị.

Khi mô hình Hội Nông tín Tương tế ở Nam Kỳ (SICAM) ra đời, Ngân hàng Đông Dương cũng tham gia với tỷ phần trọng yếu. Để đảm bảo nguồn vốn cho vay, Ngân hàng Đông Dương cũng buộc chính quyền thực dân và ban quản trị các SICAM có nhiệm vụ đảm bảo việc hoàn vốn và lãi cho Ngân hàng Đông Dương. Và một lần nữa Ngân hàng Đông Dương chỉ việc ngồi yên bỏ một số vốn ra rồi sẽ có cả một bộ máy thực dân và địa chủ Việt Nam giúp ngân hàng thu lãi. Rõ thực

không có một lối kinh doanh nào lại có ưu thế và đơn giản đến như vậy. Sở dĩ như vậy là vì ngân sách thuộc địa cũng được hưởng 2% từ nguồn lợi nhuận qua hoạt động cho vay này.

Ở một góc độ khác, địa chủ Nam Kỳ đã lợi dụng nguồn vốn các SICAM cho vay để làm giàu, bằng cách vay của SICAM và cho vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất: từ lãi suất cho vay chính thức 10% hay 12% nhưng đến khi cho vay lại, lãi suất đã tăng lên 24% đến 30% (René Ngọc Nhân, tr. 551). Kết hợp với quyền lực ở địa phương, địa chủ Nam Kỳ có thể hoặc thu được rất nhiều lãi, hoặc có thêm ruộng đất từ người đi vay lại. Điều này đã được Toàn quyền Đông Dương xác nhận: “Thực tế là gần như không sao có thể làm cho những khoản vay đến được với người nông dân nhỏ bé, những tá điền, những người nhà quê mà lại không phải thông qua sự trung gian của các địa chủ lớn và trung bình. Những kẻ này chỉ cho vay trực tiếp hoặc bảo lãnh cho những khoản vay với tỷ lệ nặng lãi, đến nỗi người nông dân nghèo không được hưởng một chút thuận lợi nào mà tín dụng nông nghiệp đem lại. Các chủ sở hữu lớn và trung bình luôn giữ một thói quen tệ hại là đòi tới gấp hai lần số cho vay, bằng hiện vật hay bằng tiền, trong thời hạn 6 hay 8 tháng đối với những người nông dân nghèo khó, những chủ sở hữu nhỏ... Họ đã can thiệp như những lăng kính làm biến dạng, bắt lương giữa chính quyền với quần chúng nông thôn... Sự biểu hiện của lòng căm giận, mối hiềm thù đang

được tạo ra từ sự vô ý thức và vô nhân đạo của những lãnh chúa này” (P. Bernard, 1934, tr. 75-76).

Từ 1930 trở đi, do khủng hoảng kinh tế nên Ngân hàng Đông Dương đành phải bắt các SICAM giảm nhẹ lãi suất đồng thời cũng đưa ra tỷ lệ phân chia để không bị thiệt hại gì trong việc hạ lãi suất. Như vậy cho dù tình hình có biến động nhưng quyền lợi của Ngân hàng Đông Dương vẫn được đảm bảo. Khi nợ đọng tại các SICAM ngày càng tăng, chính quyền thuộc địa đã đứng ra giải quyết nhằm đảm bảo lợi ích cho Ngân hàng Đông Dương bằng cách chủ trương cho thu hồi công nợ bằng các biện pháp cưỡng chế. Nhờ biện pháp này mà nguồn vốn của ngân hàng được đảm bảo thu đủ trong khi đó một số các địa chủ Nam Kỳ thì lâm vào tình trạng phá sản, đồng thời trong nội bộ giai cấp địa chủ ở Nam Kỳ lúc bấy giờ cũng có sự thôn tính lẫn nhau. Kết quả là phần lớn tài sản của địa chủ Nam Kỳ bị đại địa chủ Pháp thôn tính. Như vậy thực chất của việc cho vay của Ngân hàng Đông Dương là chiếm đoạt ruộng đất của nông dân tập trung vào trong tay đại địa chủ Pháp. Chính điều này đã gây nên một sự đảo lộn về kinh tế - xã hội nghiêm trọng ở Nam Kỳ (Nguyễn Khắc Đạm, 1957, tr. 158).

#### 4. KẾT LUẬN

Sự ra đời của Ngân hàng Đông Dương đã đóng một vai trò quan trọng trong chính sách thống trị của thực dân Pháp ở Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung. Thông qua Ngân hàng Đông Dương, chính quyền thực dân đã thò bàn tay xuống nắm lấy chính quyền cơ sở ở làng xã. Bên cạnh đó, Ngân hàng Đông Dương dưới sự bảo trợ của chính quyền thực dân đã thu được những món lợi khổng lồ và được đảm bảo chắc chắn không bị thiệt hại trong quá trình kinh doanh. Đó là lý do vì sao chính quyền và ngân hàng luôn có sự gắn bó mật thiết. Ngân hàng Đông Dương đã nắm toàn bộ “mạch máu” của nền kinh tế Đông Dương và điều này cho thấy sự khôn ngoan của người Pháp trong việc nhanh chóng thiết lập ngân hàng tại các xứ thuộc địa.

Xét về mặt kinh tế - xã hội, hoạt động của Ngân hàng Đông Dương thông qua các tổ chức tín dụng cho vay lúc bấy giờ không mang lại lợi ích cho người dân Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung. Tuy nhiên nó cũng để lại cơ sở vật chất và những bài học kinh nghiệm trong việc thiết lập và điều hành hệ thống ngân hàng ở Việt Nam sau khi người Pháp ra đi. □

#### CHÚ THÍCH

(1) Điển hình là hai ngân hàng do người Anh thành lập chi nhánh tại Nam Kỳ để cung cấp tín dụng cho các thương nhân, phục vụ cho mục đích thương mại, đó là: The Hongkong and Shanghai Banking Corporation và The Chartered Bank of India.

(2) Đồng Franc được đúc bằng vàng, lưu hành tại Pháp lúc bấy giờ.

(3) Đồng Đông Dương (tiếng pháp: Piastre; tiếng Việt Nam: Đồng Bạc; viết tắt: \$).

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Albert Cuniac. 1904. *Essai sur le crédit agricole en Indochine*. Paris.
2. Bernard Paul. 1934. *Le problème économique Indochinois*. Paris.
3. Bulletin officiel de la Cochinchine Française. 1888. N<sup>o</sup>5, tr. 213-220.
4. Comité agricole et industriel de la Cochinchine. 1878. *Banques* (trích trong *La Cochinchine française en 1878*). Paris. Challamel Ainé.
5. Dương Trung Quốc. 2006. *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858 - 1918)*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Jammes, H.L. 1888. *Au pays Annamite*. Paris.
7. L'Instruction Publique. 1928. *Le nouvel immeuble de la banque de l'Indochine à Saigon*. Bulletin Général de L'Instruction Publique. HaNoi.
8. Nguyễn Khắc Đạm. 1957. *Những thủ đoạn bóc lột của tư bản Pháp ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn - Sử - Địa.
9. Phạm Quang Trung. 1997. *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875 - 1945)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. René Ngọc Nhân. 1981. *Ngân hàng Đông Dương*. <http://renengocnhan.wordpress.com>, truy cập ngày 16/10/2012.
11. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. Phòng Toàn Quyền Đông Dương (viết tắt: GouGal). N<sup>o</sup>7.719: *Prêts sur récoltes pratiques aux divers pays de l'Indochine, (1901 - 1915)*.
12. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Phòng các cơ quan địa phương (viết tắt: SL). N<sup>o</sup>163: *Rapport d'ensembles sur les SICAM et la Caisse central (1915 - 1943)*.
13. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Phòng Thống đốc Nam Kỳ (viết tắt: GouCoch). N<sup>o</sup>IA4/101(1): *Prêts sur récoltes: Remboursement par divers arrondissements. Au sujet de lenteur apportées dans la distribution du fonds empruntés par les cultivateurs la BIC; demande de prolongation du délai de remboursement par les cultivateurs de la province de Bac Lieu, (1894 - 1895)*.
14. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Phòng Thống đốc Nam Kỳ (viết tắt: GouCoch). N<sup>o</sup>IA4/107(2): *Prêts sur récoltes: Statistique des prêts pendant les années 1905 - 1907. Circulaires, correspondances et rapports relatifs aux prêts, (1904 - 1910)*.
15. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Phòng Thống đốc Nam Kỳ (viết tắt: GouCoch). N<sup>o</sup>A4/132(3): *Société agricole: Caisse de Crédit agricole provinciaux en Cochinchine, (1913 - 1924)*.
16. Viện Sử học. 1976. *Lịch sử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sơ thảo), Tập I*. Hà Nội: Tư liệu của Viện Sử học, ký hiệu Vv351.